

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tuyền;
2. Bà Trần Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2021/TLHNGĐ-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B L, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Tổ 18, ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Trang D K, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Ấp L, xã Lc, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị B L trình bày: Chị và anh Trang D K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lc, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Trang ML, sinh ngày 29/7/2019, hiện anh và cha mẹ ruột đang nuôi. Tài sản chung và nợ chung không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do cả hai tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm, không thể dung hòa

được, thường xuyên cãi vã nhau từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Để đảm bảo cuộc sống hôn nhân lâu dài cùng nhau nuôi dạy con, hai bên gia đình cũng động viên và anh chị đã cố gắng sống hòa thuận để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không bàn bạc việc đoàn tụ, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn anh Trang D K trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-4-2022, anh và chị L bắt đầu chung sống vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện Bến Cầu, về con chung, tài sản chung và nợ chung giống như lời trình bày của chị L. Trong thời gian chung sống anh chị không mâu thuẫn gì, tuy nhiên anh mắc bệnh nên thay đổi tính tình hay nói chuyện nhiều và sử dụng ma túy bị Tòa án ra Quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc. Chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L; Con chung, giao cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trang Minh Luân, sinh ngày 29-7-2019, anh K không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu; Tài sản và nợ chung, chị L và anh K khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị B L và anh Trang D K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị B L và anh Trang D K kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị kết hôn và chung sống từ năm 2017, đến năm 2020 anh chị không còn hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh chị đã cố gắng dung hòa để tiếp tục chung sống nuôi dạy con nhưng không được và anh K đã có thời gian cai nghiện bắt buộc do sử dụng ma túy; Anh chị sống ly thân từ tháng 9-2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai chứng tỏ anh chị đều không có thiện chí hàn gắn gia đình và tại biên bản lấy lời khai ngày 21-4-2022, anh K đồng ý ly hôn. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trang ML, sinh ngày 29-7-2019 và anh K đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao con cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh K khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị B L và anh Trang D K. Chị L được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Giao cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trang ML, sinh ngày 29-7-2019. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022527 ngày 09-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
 - VKSND tỉnh Tây Ninh;
 - VKSND huyện Bến Cầu;
 - Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
 - UBND xã xã LC
- (Số 53/2009);
- Các đương sự;
 - Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui